

Số: 14/2025/QĐST-VLĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo**.

Thư ký phiên họp: Ông **Phạm Thanh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà **Vũ Thị Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-VDS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2025/QĐST-VLĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Phạm Kiều O**, sinh năm 1984.

Số Căn cước công dân: 079184031557 Cấp tại Cục C về TTXH

Địa chỉ: E ấp E, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1991. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 079191032416 Cấp tại Cục C về TTXH

Địa chỉ: E ấp E, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Công ty TNHH D BÌNH CHÁNH FACTORY.

Trụ sở chính: A6/7L đường V, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 (Giấy uỷ quyền số 02-2025/GUQ ngày 09/8/2025). (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, tổ A xã V, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 28/5/2025, bản tự khai và tại phiên họp người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu bà Phạm Kiều O là bà Nguyễn Thị Y trình bày như sau:

Do có mối quan hệ là bạn bè quen biết nhau nên vào tháng 11 năm 2006, bà Nguyễn Thị Ngọc H lúc đó chưa đủ 18 tuổi đã mượn hồ sơ cá nhân của bà Phạm Kiều O để trực tiếp ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1. Do thiếu hiểu biết, nên bà O đã cho bà H mượn hồ sơ cá nhân để xin việc làm. Theo đó, khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2006 đến 03 năm 2010, bà H đã mượn hồ sơ cá nhân của bà O làm việc tại Công ty TNHH D1 và đã đóng bảo hiểm xã hội theo sổ số 0206415503 mang tên Phạm Kiều O.

Trong khi đó từ tháng 4/2007-03/2008 bà O có ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH E, địa chỉ: E, Ấp T, xã B, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và bà O có tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ 0207135383 thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 04/2007 đến 03/2008.

Từ tháng 03/2009 đến tháng 11/2009 bà O tiếp tục ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH E, mã số bảo hiểm xã hội giai đoạn này là 7909162922 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2009 đến tháng 11/2009.

Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2022, bà O có ký hợp đồng lao động với Công Ty TNHH D1; địa chỉ: A, Đường V, Ấp A, Xã V, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số bảo hiểm xã hội là 7910144024 thời gian đóng bảo hiểm xã hội là từ 01/2012 đến tháng 12/2022.

Sau này theo hướng dẫn của bảo hiểm xã hội thì một người chỉ có một số sổ nên bà O đã gộp tất cả các sổ 0206415503, 0207135383, 7909162922, 7910144024 lại thành một sổ duy nhất là 7910144024.

Vào tháng 01/2024 bà O đi làm thủ tục xin nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần thì không được giải quyết do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

Nay tại phiên họp, bà O yêu cầu Toà án tuyên Hợp đồng lao động giữa bà (do bà Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện) với Công Ty TNHH D1 từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 03 năm 2010 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Do có quan hệ là bạn bè nên vào khoảng tháng 11 năm 2006 do thiếu hiểu biết về pháp luật nên bà đã mượn chứng minh nhân dân của bà Phạm Kiều O để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH D1 khi đó bà chưa đủ 18 tuổi. Công ty TNHH D1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà theo đúng quy định của pháp luật từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2010. Tuy nhiên sổ bảo hiểm số 0206415503 cấp tại Công ty TNHH D1 của bà lại mang tên bà O. Nay bà đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH D1 với bà O vô hiệu. Bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1 có đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tháng 11 năm 2006 Công ty TNHH D1 có ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm xã hội với bà Phạm Kiều O. Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2010 và đến nay Công ty TNHH D1 không còn lưu hồ sơ của người lao động vì đã qua 19 năm. Công ty TNHH D1 đổi địa chỉ kinh doanh cũng như chủ sở hữu, nhân sự trực tiếp tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Phạm Kiều O đã nghỉ việc nên Công ty TNHH D1 không chứng minh được bà O đã cho người khác mượn tên để ký hợp đồng lao động. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tất cả các phiên họp, ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Về việc tuân theo thủ tục tố tụng: Tại phiên họp, Thẩm phán và Thư ký cũng như đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết việc dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Kiều O về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa bà Phạm Kiều O và Công ty TNHH D1 vô hiệu trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2010 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Kiều O yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà O (do bà Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện) với Công ty TNHH D1 là vô hiệu. Nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động là tại Công ty TNHH D1 có địa chỉ tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Khoản 1 Điều 33, điểm d Khoản 2 Điều 35, điểm v Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 thì Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị T có yêu cầu được vắng mặt tại phiên họp. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về yêu cầu của đương sự, xét thấy:

Tại Công văn số 66/BHXXH ngày 08/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 cho biết:

“Căn cứ dữ liệu BHXH cơ sở Tân Nhựt đang theo dõi, bà Phạm Kiều O có số sổ 0206415503 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2006-03/2010 tại Công ty TNHH D1 tại VP Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã được huỷ ngày 16/3/2015 do đã nhận hết BHXH 1 lần ngày 04/05/2011.

Qua rà soát dữ liệu BHXH cơ sở T1 nhận thấy bà Phạm Kiều O có tham gia BHXH, BHTN từ tháng 03/2009-11/2009 tại Công ty TNHH E tại VP Bảo hiểm xã hội Thành phố H trên số sổ 7909162922(không tham gia tại BHXH cơ sở T1)”

Như vậy bà O có quá trình đóng trùng BHXH tại Công ty TNHH D1 và Công Ty TNHH E.

Quá trình tố tụng, bà Phạm Kiều O và bà Nguyễn Thị Ngọc H cùng xác định: Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2010 bà H đã mượn chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân của bà O để trực tiếp giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D1 với mã số 0206415503. Do thời điểm ký hợp đồng, bà H chưa đủ tuổi nên đã mượn thông tin cá nhân của bà O để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1. Trong thời gian bà H mượn thông tin cá nhân của bà O để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1 thì bà O ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công Ty TNHH E, dẫn đến bà O có

quá trình đóng trùng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D1 và Công Ty TNHH E. Lời trình bày này của bà O, bà Huyền phù H1 với Công văn số 66/BHXXH ngày 08/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Nhứt cũng như thông tin sổ bảo hiểm xã hội bà O cung cấp.

Xét thấy, việc bà H sử dụng tên bà O để giao kết hợp đồng lao động là hành vi gian dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo Khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, yêu cầu của bà O về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Kiều O (do bà Nguyễn Thị Ngọc H mượn tên thực hiện) với Công ty TNHH D1 là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Do đó, bà O, bà H được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0206415503 và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Kiều O phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 33, điểm d Khoản 2 Điều 35, điểm v Khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Phạm Kiều O.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Phạm Kiều O và Công ty TNHH D1 trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2010 tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0206415503 là vô hiệu.

Bà Phạm Kiều O, bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0206415503 và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Kiều O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Phạm Kiều O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002391 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Kiều O đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (03);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM (01);
- THADS TP.HCM (01);
- Lưu hồ sơ việc dân sự (04).

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP



Châu Nguyễn Thanh Thảo